TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **258/**2020/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 18 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K – THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Ninh Ngọc L, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Blao, Thành phố L, tỉnh Đ.

Chỗ ở: Số 31C đường S, phường T, quận K, Thành phố H.

Người yêu cầu: Bà Võ Hương T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 31C đường S, phường T, quận K, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Ninh Ngọc L và bà Võ Hương T tự nguyện sống chung từ năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161, ngày 23/11/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, quận K, Thành phố H cấp.

Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Ninh Khả H, sinh ngày 08/4/2018. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con định kỳ 3.500.000 đồng/tháng. Đóng vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông L và bà T xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông L và bà T xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Ninh Ngọc L và Võ Hương T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông L và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 161, ngày 23/11/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, quận K, Thành phố H cấp cho ông L và bà T không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Có 01 con chung là Ninh Khả H, sinh ngày 08/4/2018. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con định kỳ 3.500.000 đồng/tháng. Đóng vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông L hoặc bà T hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu ông L không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông L và bà T xác nhận không có.

- *Về nợ chung:* Ông L và bà T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Ninh Ngọc L và bà Võ Hương T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng ông L và bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0020594 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T, quận K, TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)